

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm:
- Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h. Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 15KV; Chế tạo và điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
 - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi; hồ điều hòa, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc cho công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
 - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh sê đê và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng;
 - Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khai thác, thăm dò và chế biến (trừ các khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Khám phục vụ, sửa chữa, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thấm dột, thấm dột công trình thủy lợi, thủy điện;
 - Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
 - Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
 - Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ thuê bóng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý kỹ gửi hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 182, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các bằng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao áp dụng cho tài sản cố định thuê tài chính là 04 năm.

7. Tài sản cố định vô hình**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường là mức cao nhất xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thế hệ trước đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thời việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thời việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính số dạng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chính lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chính lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm đầu tiên kể từ khi chuyển đổi hình thức hoạt động sang công ty cổ phần (năm 2006 và 2007) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 03 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2010).

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chế độ hạch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xác lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phân bổ theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phân bổ theo Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bù trừ ngược lại để số số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

27.044 VND/EUR

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và giá vốn**Doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Giữ vốn

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đầu với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xi nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

19. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân tích theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân tích theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các dòng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BAO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi số cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu công ty chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.751.565.665	4.843.050.215
Tiền gửi ngân hàng	7.303.100.331	8.446.333.654
Tiền đang chuyển	-	35.475.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	17.000.000.000	149.914.865.998
Cộng	<u>27.054.666.996</u>	<u>363.239.724.867</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		13.776.458.480		66.867.853.419
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	-	-	2.687.410	51.194.294.939
Công ty Cổ phần Cơ điện lực	770.000	13.434.208.480	770.000	13.434.208.480
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	39.693	342.230.000	28.493	279.550.000
Đầu tư ngắn hạn khác				
Tiền gửi có kỳ hạn		279.039.660.900		
Cộng		<u>252.786.119.380</u>		<u>66.867.853.419</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ điện lực	4.733.208.480	-
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	175.539.400	-
Cộng	<u>4.908.747.880</u>	<u>-</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:		
Phải thu khách hàng Khối tập trung	383.958.127.495	371.471.554.862
Phải thu khách hàng Chi nhánh Thanh Hóa	1.335.802.995	2.158.302.995
Phải thu khách hàng Chi nhánh Tuyên Quang	60.500.000	54.000.000
Phải thu khách hàng Chi nhánh Hồ Chí Minh	3.279.437.637	3.279.437.637
Cộng	<u>589.635.868.127</u>	<u>376.963.295.494</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:		
Trả trước cho người bán Khối tập trung	157.927.646.063	202.125.405.083
Trả trước cho người bán Chi nhánh Thanh Hóa	1.706.133.233	1.706.133.233
Trả trước cho người bán Chi nhánh Miền Trung	55.839.860	55.839.860
Trả trước cho người bán Chi nhánh Hồ Chí Minh	559.192.827	93.612.719
Cộng	<u>160.248.811.983</u>	<u>263.980.790.895</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG QUÁT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tập 000)

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa	-	558.900
BHXH, BHYT phải thu của CBCNV	63.454.331	68.174.633
Phải thu lãi chậm trả tiền hàng	8.567.896.548	2.746.755.252
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu	19.540.854.275	3.547.931.582
Cho các tổ chức, cá nhân vay mượn	11.104.357.079	2.500.000.000
Các khoản phải thu khác	6.013.258.462	3.843.911.112
Cộng	<u>45.289.620.695</u>	<u>12.699.331.479</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là số dự phòng cho các khoản nợ quá hạn trên 3 năm.

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	27.090.858.250	18.286.257.941
Công cụ, dụng cụ	4.404.273	307.750.131
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	535.657.668.777	475.440.660.956
Thành phẩm	94.614.120	792.365.851
Hàng bán	69.725.205.973	93.643.752.339
Hàng gửi đi bán	118.519.295	118.519.295
Cộng	<u>632.691.270.688</u>	<u>588.589.306.513</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	918.954.727
Thành phẩm	-	222.728.331
Cộng	<u>-</u>	<u>1.211.683.058</u>

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là công cụ dụng cụ xuất dùng

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	28.521.858.862	22.053.542.539
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.152.637.925	27.152.637.925
Tài sản thiếu chờ xử lý	229.683.272	229.683.272
Cộng	<u>35.904.180.059</u>	<u>49.435.863.736</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.465.842.609	178.637.833.319	41.884.345.919	1.743.072.538	234.731.094.385
Tăng trong năm	12.013.425.766	5.111.287.345	2.523.576.364	93.518.182	19.745.327.657
Mua sắm mới	-	828.330.243	2.323.576.364	93.518.182	3.543.625.091
<i>Nhý dựng cơ bản hoàn thành</i>	12.013.425.766	2.627.092.384	-	-	14.644.518.150
Mua lại tài sản chưa sử dụng	-	1.337.584.416	-	-	1.337.584.416
Giảm trong năm	-	(17.186.468.455)	(760.843.682)	(71.019.066)	(18.022.334.603)
Thanh lý, chương bán	-	-	-	(12.142.837)	(12.142.837)
Giúp vốn bằng tài sản vào Công ty con	-	(17.186.468.433)	(760.843.682)	(62.877.000)	(18.010.191.145)
Số cuối năm	24.483.268.375	166.562.572.289	43.647.078.601	1.764.570.854	236.454.480.319
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.266.841.558	88.480.845.680	21.629.113.305	1.412.289.197	113.789.089.740
Tăng trong năm	1.088.265.736	21.161.784.613	5.498.691.272	236.823.625	27.985.565.246
Khuê báo	1.088.265.736	19.831.347.944	5.488.691.272	236.823.625	26.635.128.577
Mua lại tài sản chưa sử dụng	-	1.338.438.669	-	-	1.338.438.669
Giảm trong năm	-	(9.605.414.070)	(293.817.114)	(75.019.866)	(9.971.251.050)
Thanh lý, chương bán	-	-	-	(12.142.837)	(12.142.837)
Giúp vốn bằng tài sản vào Công ty con	-	(8.605.414.070)	(293.817.114)	(62.877.000)	(9.962.038.153)
Số cuối năm	3.355.107.294	100.037.216.223	26.833.987.463	1.676.092.056	131.866.403.936
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.199.001.051	90.156.987.635	20.255.232.614	330.783.341	120.942.004.641
Số cuối năm	21.128.161.081	66.525.355.962	16.813.089.138	187.477.898	104.454.084.059

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, một số tài sản cố định cơ nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 130.338.501.546 VND và 44.139.479.034 VND đang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Tổng, giảm tài sản cố định thuế tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.557.584.416	2.794.252.091	4.351.836.507
Thuế tài chính trong năm	-	-	-
Giảm trong năm do mua lại tài sản thuế tài chính	(1.557.584.416)	-	(1.557.584.416)
Số cuối năm	-	2.794.252.091	2.794.252.091
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.168.188.297	388.716.931	1.556.905.228
Khấu hao trong năm	162.248.372	983.121.300	1.145.369.672
Giảm trong năm do mua lại tài sản thuế tài chính	(1.310.436.669)	-	(1.310.436.669)
Số cuối năm	-	1.371.838.231	1.371.838.231
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	389.396.119	2.405.535.160	2.794.931.279
Số cuối năm	-	1.422.413.860	1.422.413.860

14. Tổng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Website	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền, hàng sáng chế	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.980.000	43.250.000	-	59.230.000
Mua trong năm	18.000.000	-	14.000.000	32.000.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	33.980.000	43.250.000	14.000.000	91.230.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	3.107.226	43.250.000	-	46.357.226
Khấu hao trong năm	8.326.671	-	3.111.111	11.437.782
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	11.433.897	43.250.000	3.111.111	57.795.008
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	12.872.774	-	-	12.872.774
Số cuối năm	22.546.103	-	10.888.889	33.434.992

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát sinh trong năm		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm do góp vốn vào công ty con	Số cuối năm
	Số đầu năm				
Mua sắm TSCĐ	586.165.881	3.000.645.091	(3.407.916.910)	(19.301.000)	159.593.062
XDCB dở dang	19.954.247.894	10.515.785.133	(14.644.518.150)	(3.147.432.634)	12.678.082.243
<i>Khí máy cơ khí</i>					
<i>Vào Lưu - Hàng tồn</i>	6.365.998.984	8.078.671.166	(14.644.518.150)	-	-
<i>Dự án đầu tư</i>					
<i>Sho Vào Lưu - Hàng tồn</i>	10.122.603.736	2.437.173.907	-	-	12.570.777.703
<i>Dự án Đầu tư Công Hòa Bình</i>	3.147.432.634	-	-	(3.147.432.634)	-
<i>Dự án Khu đô thị Meco - City</i>	107.354.140	-	-	-	107.354.140
Cộng	28.540.413.775	13.516.438.324	(18.052.435.060)	(3.166.735.634)	12.837.675.385

16. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Alpha ⁹⁴	5.190.962	51.909.621.285	3.092.140	30.921.395.477
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco ⁹⁵	1.818.810	18.488.096.353	1.605.629	16.356.292.046
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xương ⁹¹	1.623.095	16.250.950.660	980.168	9.801.677.043
Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco ⁹⁰	614.739	6.147.385.887	1.874	18.739.464
Công ty TNHH MTV Cơ khí Vào Lưu ⁹¹		8.048.082.953	-	-
Cộng		100.844.137.138		57.098.104.030

⁹⁴ Theo biên bản họp Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Alpha 146.250.000.000 VND, tương đương 93,5% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 26.988.225.808 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 51.909.621.285 VND, tương đương 34,61% vốn điều lệ (số đầu năm là 30.921.395.477 VND, tương đương 20,61% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Alpha là 94.340.378.715 VND.

⁹⁵ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022116 ngày 12 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco 40.050.000.000 VND, tương đương 89% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 2.131.804.307 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 18.488.096.353 VND, tương đương 41,08% vốn điều lệ (số đầu năm là 16.356.292.046 VND, tương đương 36,35% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 21.561.903.647 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- ¹⁰ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102223118 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Thái Xương 72.000.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 6.449.273.617 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 16.250.950.660 VND, tương đương 18,06% vốn điều lệ (số đầu năm là 9.801.677.043 VND, tương đương 10,89% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Thái Xương là 55.749.049.340 VND.
- ¹⁰ Theo giấy chứng nhận kinh doanh và đăng ký thuế số 5400343804 ngày 29 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Mecca 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 6.128.646.423 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 6.147.385.887 VND, tương đương 30,7%. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 8.852.614.113 VND.
- ¹⁰ Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0504000286 ngày 14 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm là 8.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp vốn bằng tài sản vào Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm. Tổng giá trị tài sản góp vốn là 3.048.082.953 VND.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Cơ điện và XD Hòa Bình	224.147	2.241.470.000	224.147	2.241.470.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Châu ¹⁰	13.500.000	176.334.577.956	9.297.946	134.314.040.110
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn ¹⁰	420.724	4.207.240.000	420.724	4.207.240.000
Khu đô thị phía đông Văn Giang ¹⁰		175.000.000.000		35.000.000.000
Cộng		357.783.287.956		175.762.750.110

- ¹⁰ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5200230088 ngày 12 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Tỉnh Yên Bái cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Châu 210.000.000.000 VND (21.000.000 cổ phiếu), tương đương 50% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 4.202.054 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 13.500.000 cổ phiếu, số còn phải đầu tư là 7.500.000 cổ phiếu, tỷ lệ sốหุ้น thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 47,55%.

¹⁰ Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 420.724 Cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ là 28,06%.

- ¹⁰ Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Xây dựng Hách Giang với Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam để xây dựng khu đô thị mới phía Đông huyện Văn Giang - Hưng Yên. Khi dự án hoàn thành, Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam được hoàn trả lại toàn bộ phần vốn góp bằng quyền được mua 50% diện tích đất có hạ tầng (bao gồm: đất Bạt thu, nhà phố, nhà cao tầng, nhà cao tầng cho người thu nhập thấp, đất thương mại, dịch vụ,...) được nhà nước giao lại cho chủ đầu tư để khai thác theo giá thành của dự án. Trong trường hợp giá trị của 50% diện tích đất có hạ tầng theo giá thành trong dự án tăng hơn hoặc giảm đi so với vốn góp thực tế thì sẽ phải nộp bổ sung hoặc được khấu trừ phần giá trị tăng hoặc giảm đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phosong Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư trái phiếu		47.057.500.000		48.180.400.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Đầu tư Việt Nam - CN Ngoại Địch		-		1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành ^{a)}	500.000	47.057.500.000	500.000	47.057.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Ngoại		-		102.900.000
Đầu tư vào đơn vị khác		62.317.824.939		7.770.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển các Khu công nghiệp Hà Tĩnh	10.300	1.050.000.000	10.500	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng	18.000	1.800.000.000	12.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần AP Mecca	52.000	520.000.000	52.000	520.000.000
Công ty Cổ phần Văn nhân tạo Yên Bái	35.000	3.500.000.000	35.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang ^{b)}	2.717.590	53.447.824.939	-	-
Công ty Cổ phần Kinh Miền	20.000	2.000.000.000	15.000	1.500.000.000
Cộng		109.375.324.939		58.930.400.000

^{a)} Theo Quyết định số 147/2010/QĐ-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty mua 500.000 trái phiếu doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Thành với giá mua là 94,115 VND/trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND, thời hạn 3 năm, lãi suất 15%/năm.

^{b)} Trong đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng là 1.500.000 cổ phần.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Văn nhân tạo Yên Bái	861.953.512	861.953.512
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang (*)	1.632.323.732	-
Cộng	8.484.277.244	861.953.512

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang (Long Giang) được trích lập dự phòng cân có vào giá trị ghi sổ của Long Giang.

20. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ tại Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	692.939.870.928	577.682.419.878
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đống Đa	110.188.712.973	246.793.624.381
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	243.200.167.703	106.577.470.212
Sở GD Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	50.000.000.000	68.289.000.000
Sở GD Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	69.223.720.250	108.498.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trưng An	-	45.517.073.285
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Thiệu Hóa	27.250.000	27.250.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	23.644.423.000	2.357.156.000
Vay dài hạn đến hạn trả	11.133.665.058	13.203.470.619
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	9.053.365.058	10.997.670.619
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đống Đa	1.238.500.000	1.363.600.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	840.800.000	840.800.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.29)	714.868.000	878.488.000
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	714.868.000	878.488.000
Cộng	728.432.826.986	594.121.534.497

Chi tiết số phải thanh về các khoản vay và nợ thuế tài chính:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	577.682.419.878	1.331.002.366.530	-	1.235.744.915.480	692.939.870.928
Vay ngắn hạn các cá nhân và cá nhân khác	2.357.156.000	21.287.267.000	-	-	23.644.423.000
Vay dài hạn đến hạn trả	13.203.470.619	-	35.815.101.723	37.884.907.284	11.133.665.058
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	878.488.000	-	714.868.000	878.488.000	714.868.000
Cộng	594.121.534.497	1.372.289.633.530	36.529.969.723	1.274.508.310.764	728.432.826.986

22. Phải trả người bán

Trình bày theo các đơn vị trực thuộc như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán Khối tập trung	112.137.688.001	88.609.746.667
Phải trả người bán Chi nhánh Thanh Hóa	2.229.218.609	2.229.218.609
Phải trả người bán Chi nhánh Tuyên Quang	140.000	-
Phải trả người bán Chi nhánh Miền Trung	945.847.778	545.847.778
Phải trả người bán Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.859.345.678	1.826.632.861
Cộng	116.772.240.866	93.211.445.917

CÔNG TY CỔ PHẦN CỔ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Người mua trả tiền trước

<i>Trình bày theo các đơn vị trực thuộc năm sau:</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả trước Khối vận phòng	118.552.515.947	121.211.401.177
Người mua trả trước Chi nhánh Thành Hóa	644.515.747	593.394.747
Người mua trả trước Chi nhánh Tuyên Quang	21.830.000	5.456.000
Cộng	119.218.861.694	121.810.251.924

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	888.587.116	944.019.194	993.434.579	839.171.731
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.733.972.414	1.733.972.414	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.985.152.679	3.255.182.470	14.245.084.070	6.995.251.079
Thuế thu nhập cá nhân	16.137.280	188.309.402	166.637.807	37.799.875
Thuế nhà đất	14.703.911	441.944.045	441.944.045	14.703.911
Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
Các loại thuế khác	19.162.557	30.465.226.867	30.465.226.867	19.162.557
Cộng	18.923.743.543	37.836.645.392	48.054.299.782	7.906.089.153

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với từng loại công trình, dịch vụ, hàng hóa như sau:

Hoạt động xây lắp	10%
Dịch vụ cơ khí	5%
Hoạt động kinh doanh Bất động sản (*)	10%

(*) Đối với hoạt động kinh doanh Bất động sản, doanh thu tính thuế là giá chuyển nhượng Bất động sản trừ giá đất được tế tại thời điểm chuyển nhượng. Giá đất được tế Công ty xác định trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng và được ghi trong hợp đồng chuyển nhượng.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.961.339.752	59.562.830.221
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	12.191.013.508
- Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	11.961.339.752	47.371.816.713
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.258.568.630)	(1.989.347.800)
- Các khoản điều chỉnh tăng	405.622.929	88.294.000
Thù lao Hội đồng quản trị không điều hành trực tiếp	53.148.000	-
Phạt chậm nộp thuế	28.810.345	-
Nộp phạt theo biên bản quyết toán thuế	323.664.584	88.284.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.664.191.559)	(2.077.631.800)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(1.357.172.282)	(2.077.631.800)
Lãi vay công trình La Trùng	(307.019.277)	-
Thu nhập chịu thuế	10.702.771.122	57.573.482.421
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	2.675.692.781	14.193.370.603
Trong đó:		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	3.047.753.377
- Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	2.675.692.781	11.145.617.228
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	579.489.689	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của hoạt động xây lắp và các hoạt động khác (50%)	-	(5.672.808.614)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.255.182.470	8.720.561.991

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	3.886.099.110	16.254.612.418
Lãi trên phiếu phải trả	3.330.612.500	5.200.000.000
Chi phí công trình	3.840.780.759	4.125.547.616
Chi phí hỗ trợ đi đời	1.620.400.273	1.620.400.273
Chi phí khác	99.016.341	99.016.338
Cộng	12.776.908.983	27.299.576.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	850.824.578	113.940.768
Bảo hiểm thất nghiệp	51.822.212	-
Kinh phí công đoàn	880.424.078	577.225.197
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.772.680.651	3.489.834.499
Phải trả về cổ phần hóa	588.420.000	588.420.000
Ban quản lý dự án Khu đô thị mới phía đông huyện Văn Giang chuyển tiền phục vụ dự án	140.286.222.222	-
Phải trả các cô nhân viên vay xây dựng Dự án khu chung cư cao tầng 102 Trường Chinh	34.950.000.000	38.450.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.779.030.448	5.115.453.772
Cộng	<u>196.159.424.189</u>	<u>48.334.874.236</u>

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	5.732.500.083	2.024.321.245	304.887.000	7.451.934.328
Quỹ phúc lợi	3.780.655.537	2.024.321.245	364.900.000	5.420.076.782
Cộng	<u>9.493.155.620</u>	<u>4.048.642.490</u>	<u>669.787.000</u>	<u>12.872.011.110</u>

28. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dầu khí và Phát triển Đô thị Long Giang (tiền góp vốn xây dựng Dự án khu chung cư cao tầng 102 Trường Chinh)	-	34.000.000.000
Các cá nhân góp vốn xây dựng Dự án khu chung cư cao tầng 102 Trường Chinh	89.099.805.000	86.373.605.000
Cộng	<u>89.099.805.000</u>	<u>120.373.605.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

29. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	150.460.107.377	197.313.773.970
Sở giao dịch I - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	597.699.800
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	204.994.477	204.994.477
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	149.111.588.740	182.629.928.919
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đống Đa	300.000.000	1.539.500.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	843.514.160	1.604.314.160
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	-	10.657.336.614
Nợ dài hạn	414.461.334	1.129.329.334
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	414.461.334	1.129.329.334
Trái phiếu (*)	50.900.000.000	80.000.000.000
Cộng	<u>201.774.568.711</u>	<u>278.443.103.304</u>

(*) Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất trái phiếu 12%/năm để bổ sung nguồn vốn đầu tư vào các dự án của Công ty, trả lãi định kỳ 1 năm/1 lần, lãi không nhập gốc. Tỷ lệ chuyển đổi: 1 trái phiếu có mệnh giá 100.000 đồng sẽ được chuyển đổi 10 cổ phiếu phổ thông. Thời gian chuyển đổi: 20% sau 12 tháng, 30% sau 24 tháng và 50% sau 36 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Nợ dài hạn</u>	<u>Trái phiếu</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	197.313.773.970	1.129.329.334	80.000.000.000	278.443.103.304
Số tiền vay phát sinh	1.897.000.000	-	-	1.897.000.000
Số tiền vay đã trả	12.935.564.870	-	-	12.935.564.870
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	35.815.101.723	714.868.000	-	36.529.969.723
Chuyển đổi trái phiếu	-	-	29.100.000.000	29.100.000.000
Số cuối năm	<u>150.460.107.377</u>	<u>414.461.334</u>	<u>50.900.000.000</u>	<u>201.774.568.711</u>

SỞ SÀI GÒN CỔ PHẦN OLIEDEN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phươg Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

30. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chính lịch từ giá trị đối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	145.199.910.000	23.736.618.000	-	1.502.590.741	12.482.822.484	1.328.269.478	41.049.354.813	225.299.596.516
Cổ đông góp vốn	400.800.070.000	145.564.005.000						546.364.075.000
Góp bằng tiền	380.890.070.000	145.564.005.000						526.454.075.000
Trái phiếu chuyển đổi	20.000.000.000							20.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước							50.842.268.230	50.842.268.230
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại cuối năm 2009				(1.502.590.741)				(1.502.590.741)
Đánh giá lại CLTG cuối năm 2010				683.345.117				683.345.117
Tăng quỹ DTPT số thuế TNDN được giảm					5.672.808.614		(5.672.808.614)	
Trích lập các quỹ					2.617.203.961	2.617.203.961	(12.496.342.182)	(7.281.934.260)
Chia số cổ tức năm 2009 và tạm ứng cổ tức năm 2010							(25.200.000.000)	(25.200.000.000)
Lợi nhuận chia cho bên hợp tác kinh doanh							(4.683.034.727)	(4.683.034.727)
Số dư cuối năm trước	546.000.000.000	169.300.618.000	-	683.345.117	20.772.835.089	3.945.999.439	43.839.237.520	784.541.635.135
Số dư đầu năm nay	546.000.000.000	169.300.618.000	-	683.345.117	20.772.835.089	3.945.999.439	43.839.237.520	784.541.635.135
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	29.100.000.000							29.100.000.000
Lợi nhuận trong năm nay							8.706.157.282	8.706.157.282
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại cuối năm 2010				(683.345.117)				(683.345.117)
Đánh giá lại CLTG cuối năm 2011				2.633.161.821				2.633.161.821
Tăng DTPT số thuế TNDN được giảm					50.181.707		(50.181.707)	
Trích lập các quỹ					2.024.321.245	2.024.321.245	(8.097.284.900)	(4.048.642.490)
Chia số cổ tức năm 2009 và tạm ứng cổ tức năm 2010							(26.921.495.000)	(26.921.495.000)
Nhả lại cổ phiếu quỹ			(73.426.398.513)					(73.426.398.513)
Số dư cuối năm nay	575.100.000.000	169.300.618.000	(73.426.398.513)	2.633.161.821	22.847.338.073	5.969.928.684	17.476.433.055	719.901.073.118

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.510.000	56.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	57.510.000	54.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	5.450.000	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	52.050.000	54.600.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>
Chi trả cổ tức trong năm	27.683.648.848

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ Đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ Dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.575.359.815.514	779.738.080.872
Doanh thu bán hàng hóa	1.401.982.767.162	509.451.542.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.754.390.788	10.107.175.028
Doanh thu kinh doanh bất động sản	900.000.000	44.637.231.811
Doanh thu hoạt động xây dựng	148.742.657.564	221.542.131.043
Các khoản giảm trừ doanh thu	183.592.500	-
Hàng bán bị trả lại	183.592.500	-
Doanh thu thuần	1.575.176.223.014	776.738.080.872
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.401.779.174.662	509.451.542.990
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	23.754.390.788	10.107.175.028
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	900.000.000	44.637.231.811
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	148.742.657.564	221.542.131.043

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.357.201.005.654	669.663.881.598
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.790.101.104	7.964.291.668
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	720.000.000	28.836.863.555
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	154.760.079.339	184.678.417.971
Cộng	1.523.421.186.097	691.143.454.792

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	44.547.723.164	12.126.927.682
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	8.573.770.115	8.580.135.682
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.357.172.282	2.077.631.809
Lãi bán hàng trả chậm	24.823.695.944	25.241.540.043
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	286.165.819
Doanh thu tài chính khác	-	920.319.533
Cộng	79.302.361.505	49.232.720.559

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	83.379.670.984	60.578.086.351
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		557.860.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.558.929.744	2.090.902.776
Chi phí tài chính khác	486.720	37.993.435
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		-449.560.571
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	12.531.071.612	(56.665.600)
Chi phí phát hành trái phiếu		16.886.000
Cộng	<u>99.470.159.060</u>	<u>63.984.624.328</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.366.160.174	1.590.250.596
Chi phí dụng cụ đồ dùng	16.016.659	55.793.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.154.099	10.456.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.237.800.656	1.057.326.034
Chi phí bằng tiền khác	418.577.167	16.423.182
Cộng	<u>3.042.508.755</u>	<u>2.690.250.498</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.553.848.070	4.864.480.429
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	373.294.978	385.503.969
Chi phí đồ dùng văn phòng	142.904.898	165.304.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.456.315	302.336.274
Thuế phí và lệ phí	101.242.809	120.985.824
Chi phí dự phòng	4.363.434.564	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.402.083.114	1.732.626.539
Chi phí bằng tiền khác	3.801.299.225	1.352.494.781
Cộng	<u>16.150.563.973</u>	<u>8.923.732.113</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền chậm trả, thanh lý tài sản cố định	-	5.260.000.091
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	5.567.800
Các khoản thuế được hoàn	-	55.437.638
Các khoản nợ không xác định được chủ	-	33.283.100
Thu nhập khác	48.457.716	78.851.939
Cộng	<u>48.457.716</u>	<u>5.433.140.568</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	5.177.909.630
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	261.090.972
Chi phí khác	501.284.598	60.049.525
Cộng	501.284.598	5.499.050.127

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Chuyển đổi tài phiếu để tăng vốn	29.100.000.000
Góp vốn bằng tài sản	8.067.383.953
Góp vốn bằng giá trị xây dựng cơ bản dở dang	3.147.432.634
Cộng	40.314.816.587

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Áp dụng quy định kế toán mới**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

2. Giao dịch với các bên liên quan**Tra nhận của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	1.493.347.347	1.011.105.516
Các khoản trích theo lương	86.816.674	73.653.498
Cộng	1.580.164.021	1.084.759.014

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

*Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Meco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang	Công ty có Ủy viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng		
Phải thu về khối lượng thi công	4.333.566.372	
Thuế GTGT	433.356.637	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Meco		
Phải thu tiền cho thuê xe	54.545.455	
Thuế GTGT	5.454.545	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm		
Góp vốn bằng tài sản	8.048.082.953	
Ứng tiền trước tiền	3.400.000.000	
Hàng hóa bán	2.280.627.483	
Phải trả về khối lượng thi công	8.683.280.122	
Thuế GTGT	868.328.012	
Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn		
Phải thu về khối lượng thi công	28.334.665.045	
Thuế GTGT	2.833.466.505	
Phải thu tiền bán thép	13.640.095.451	
Thuế GTGT	1.364.009.545	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn		
Phải thu về tiền cho thuê xe	310.909.091	
Phải thu tiền bán vật liệu	277.656.043	
Thuế GTGT	58.856.513	
Phải trả về khối lượng thi công	12.090.164.763	
Thuế GTGT	1.208.168.045	
Phải trả về tiền thuê máy, thuê xe	261.272.728	
Thuế GTGT	26.127.272	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị**Long Giang**

Long Giang góp vốn	-	4.813.340.930
Tiền điện, nước phải thu	94.874.565	-
Thuế GTGT tương ứng	9.343.622	-
Phải thu tiền bán thép	6.171.405.155	-
Thuế GTGT tương ứng	617.140.516	-
Khối lượng thi công nhà HHI (cọc khoan nhồi)	-	65.484.317.000
Trị tiền thi công nhà HHI (cọc khoan nhồi)	-	51.377.698.200
Trị giá tiền thi công ống hầm nhà HHI	9.826.352.269	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
--	--------------------	-------------------

Công ty Cổ phần Khương sơn Meco

Phải thu tiền cho thuế xe	60.000.000	-
---------------------------	------------	---

Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm

Ứng trước tiền thi công	7.513.726.290	-
Phải thu tiền hàng và tiền thuế xuất khẩu	1.744.339.337	-
Phải thu về các khoản khác	11.308.313.859	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn

Phải thu tiền bán thép	2.576.290.648	-
------------------------	---------------	---

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị**Long Giang**

Phải thu tiền bán thép	6.904.407.134	-
Tiền điện phải thu	38.732.755	59.388.668
Cộng nợ phải thu	30.145.830.023	59.388.668

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Xăng

Ứng trước tiền thi công	2.582.367.991	-
-------------------------	---------------	---

Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm

Ứng trước tiền hàng	6.956.650.000	-
---------------------	---------------	---

Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Chấn

Ứng tiền thi công cơ khí thủy công Thủy điện Văn Chấn (30%)	12.075.332.167	30.247.896.000
---	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Meco Sài Gòn

Ứng tiền thuế xe	12.828.352	-
------------------	------------	---

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang

Phải trả về khối lượng thi công	14.425.072.221	-
Tiền góp vốn đầu tư	-	34.000.000.000
Tiền thi công	-	4.598.719.932
Cộng nợ phải trả	36.052.250.731	68.846.619.932

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và bộ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, Đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	148.742.657.564	1.401.779.174.662	900.000.000	23.754.390.788	1.575.176.223.014
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	148.742.657.564	1.401.779.174.662	900.000.000	23.754.390.788	1.575.176.223.014
Chi phí bộ phận	156.283.098.353	1.374.598.615.942	720.000.000	10.992.544.529	1.542.594.258.825
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(7.540.440.789)	27.180.558.720	180.000.000	12.761.846.259	32.581.964.189
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					32.581.964.189
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					79.302.361.505
Doanh thu hoạt động tài chính					99.470.159.060
Chi phí tài chính					48.457.716
Thu nhập khác					501.284.598
Chi phí khác					3.255.182.470
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					8.706.157.282
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					11.654.236.257
Tổng chi phí để phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	26.686.566.359
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phanong Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực kinh doanh thương mại	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ (cho thuê, quản lý)	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	180.623.485.673	1.702.453.122.293	300.644.359.825	29.938.701.340	2.213.659.669.131
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
Tổng tài sản					2.213.659.669.131
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	113.647.734.611	1.090.829.032.098	268.788.846.198	19.168.841.806	1.493.634.274.513
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					1.493.634.274.513
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	178.501.129.202	1.682.449.010.501	216.707.614.547	29.586.916.581	2.107.244.670.791
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					
Tổng tài sản					2.107.244.670.791
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	107.406.730.618	1.012.335.426.480	185.014.513.470	17.802.550.644	1.322.557.229.212
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả					1.322.557.229.212

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 162, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.054.663.996	363.219.724.867	27.054.663.996	363.219.724.867
Trong đó: - USD	1.893,30	1.902,02	1.893,30	1.902,02
- EUR	162,66	404,58	393,66	404,58
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8.867.710.600	66.867.813.419	8.867.710.600	66.867.813.419
Các khoản đầu tư nhận giữ đến ngày đáo hạn	239.009.660.900	-	239.009.660.900	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	180.891.043.695	35.068.446.488	180.891.047.695	35.068.446.488
Phải thu khách hàng	382.803.207.970	373.498.869.901	382.803.207.970	373.498.869.901
Các khoản phải thu khác	81.457.800.754	62.498.354.166	81.457.800.754	62.498.354.166
Cộng	848.884.093.915	913.167.648.941	848.084.693.915	913.167.648.941
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	930.207.395.697	872.564.637.831	930.207.395.697	872.564.637.831
Phải trả người bán	116.772.240.866	93.211.445.917	116.772.240.866	93.211.445.917
Các khoản phải trả khác	206.384.866.864	206.270.368.044	206.384.866.864	206.270.368.044
Cộng	1.352.364.503.427	1.371.046.451.792	1.352.364.503.427	1.371.046.451.792

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mã công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để xác định giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác trong đường giá trị sổ sách của các khoản mục này đo những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin rời lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tình chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Thông cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản có định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.12). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị số sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Máy móc thiết bị	35.369.016.706	
Nguyên giá	106.410.528.442	
Hao mòn lũy kế	(71.061.511.736)	Tại sản thuộc vữa hữu hợp pháp còn bên
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.770.462.328	vay hoặc tài sản hình thành từ vốn vay
Nguyên giá	23.927.973.104	
Hao mòn lũy kế	(15.157.510.776)	
Cộng	44.139.479.034	

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhận viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để theo dõi theo dõi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Hàng thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	728.432.826.986	201.774.568.711	-	930.207.395.697
Phải trả người bán	116.772.240.866	-	-	116.772.240.866
Các khoản phải trả khác	216.866.507.694	88.518.399.370	-	305.384.866.864
Cộng	1.062.071.575.546	290.292.928.081	-	1.352.364.503.627

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính dài hạn.

K. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thanh, lý lẽ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tăng	2%	591.561
Giảm	-2%	(591.567)
Trả trước cho người bán		
Tăng	2%	348.448.274
Giảm	-2%	(348.448.274)
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán		
Tăng	2%	(73.665.702)
Giảm	-2%	73.665.702
Tổng ảnh hưởng		
Tăng	2%	275.374.139
Giảm	-2%	(275.374.139)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Hương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá EUR như sau:

	Thay đổi tỷ giá EUR (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tăng	2%	159.692
Giảm	-2%	(159.692)
Tổng ảnh hưởng		
Tăng	2%	159.692
Giảm	-2%	(159.692)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn khác có lãi suất thả nổi		
Tăng	2%	(10.873.767.405)
Giảm	-2%	10.873.767.405
Vay và nợ dài hạn khác có lãi suất thả nổi		
Tăng	2%	(2.263.118.531)
Giảm	-2%	2.263.118.531
Tổng ảnh hưởng		
Tăng	2%	(13.136.885.936)
Giảm	-2%	13.136.885.936

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (bếp free)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các hưởng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 8.867.710.000 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 665.078.295 VND.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn.

Người lập biểu



Phạm Thị Chinh Lương

Kế toán trưởng



Ninh Thị Luân

Lập ngày 16 tháng 3 năm 2012

CHỖ CHỮ HỌ TÊN



Nguyễn Ngọc Bình

